

# LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1972, tôi được vào dự học trường trung học Phật Pháp Trung Ương tại chùa Quán Sứ - Hà Nội.

Buổi học đầu tiên trên lớp là bài Luận Thích về Duy Thức Tam Tự Kinh. Giảng huấn Pháp Sư Thích Trí Độ, Hội trưởng Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam, một học giả Duy Thức đương thời.

Tôi nhớ mãi câu nói mở đầu môn học của Ngài: “Tất cả các sự vật hiện tượng trên thế gian này như: sông, núi, cỏ, cây, nhà, cửa, người, vật đều chỉ là sự biến hiện của thức. Thức biến có hai cách: một là nhân duyên biến, hai là phân biệt biến. Những tướng mà ta gọi là hiện hữu đều do thức biến theo hai cách trên. Sự vật hiện tượng nó không tự hiện hữu mà chỉ hiện hữu giữa các mối quan hệ và các duyên, gọi là duyên khởi, duyên sinh hay y tha khởi.

Học Duy Thức để mở mang trí tuệ, để có được cái nhìn nhận đúng đắn đối với vạn pháp, đối với cái bệnh chạy theo bên ngoài mà xoay nhìn lại mình, thấy lại được mình vốn là chủ nhân ông của mọi hiện hữu, gạt bỏ mọi đau khổ, sai lầm, chúng được Đại Viên Kính Trí, xây dựng cảnh giới an vui tự tại ngay từ thức tâm ta”. Ngài nói thêm: “Đây là tập sách vỡ lòng về Duy Thức để dạy cho các em học sinh của môn học Pháp tướng do Cư Sĩ Đường Đại Viên biên soạn, Pháp sư Thái Hư hiệu đính và giám định.

Tuy nói là vỡ lòng nhưng những người tu lâu năm trong cửa thiền, học cũng toát mồ hôi”.

Cho đến nay buổi học đầu tiên đó của lớp tôi đã cách 27 năm, thế mà lời dạy của mình sự vẫn còn như văng vẳng bên tai.

Hồi ấy tôi là một học sinh trung bình của lớp, phần vì mới hạ sơn du học, phần vì chưa am hiểu mấy về giáo lý Duy Thức. Nhưng tôi cố gắng ngày đêm để vượt trong học tập. Thầy Trí Độ cũng đặc biệt chú ý đến tôi, chấm bài, sửa bài, bổ sung, hướng dẫn và sửa chữa uốn nắn những sai lầm cho tôi. Ngài còn ân cần khuyến khích tôi và cả lớp hãy chú ý đến môn Duy Thức để truyền bá Phật pháp vì giáo lý này có nhiều điểm phù hợp với khoa học hiện đại.

Hôm nay trên bục giảng lại được giảng đúng tập tài liệu “vỡ lòng” mà Thầy Trí Độ đã khai tâm cho cách đây 27 năm. Ôn Phật, nhớ Thầy lòng không khỏi ngậm ngùi xao xuyến. Trước di ảnh của Tôn Sư tôi thề hứa nguyện sẽ mang hết khả năng và điều kiện của mình, để truyền thụ những giáo lý tinh hoa đã học được nơi Thầy trong những năm đầu trong ghế học đường Phật Giáo cho học sinh, nhằm báo đức Tam Bảo, đền đáp ơn Thầy.

Xin Thầy nơi cảnh giới cao siêu chứng minh và gia bị cho con, nhân đây cũng làm đôi dòng tâm sự với các anh chị em Tăng, Ni sinh cơ bản.

Sau khi biên soạn tập giáo án này hoàn thành, lại được Đại Đức Minh Hiền và một số anh chị em đạo hữu phát tâm biên tập, đóng góp công sức in ấn, tài lực để tới được tay Tăng, Ni sinh và Phật tử, cùng bạn đọc.

Được bao nhiêu công đức xin đem hồi hướng tứ sinh lục đạo, ân, oán, thân, sơ khiến cho đều sinh Cực Lạc cùng chứng Bồ Đề.

Rất mong các bậc cao minh có đọc đến xin vui lòng phủ chính.

Hương Lĩnh Mạnh Thu

Kỷ Mão ( 1999)

Thích Viên Thành Thủ Bút

## TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH VIÊN THÀNH

Hòa Thượng sinh ngày 1 tháng 6 năm Canh Dần (15/7/1950) tại làng Thượng Cát, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. Thân phụ của Ngài là Phùng Xuân Chi, Thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Thìn. Khi Hòa Thượng chưa tròn một tuổi thì Thân phụ qua đời, Ngài chỉ dựa vào sự thương yêu của Thân mẫu và Bà nội cũng bà con lối xóm. Cảnh sinh tử biệt ly ấy đã làm Ngài sớm nhận ra lẽ vô thường của kiếp nhân sinh. Noi gương hai người cô ruột là Sư cụ Đàm Mậu và Sư cụ Đàm Ngọ trụ trì Chùa Bi, Tỉnh Vĩnh Phúc, Ngài đã quyết chí xuất gia cầu đạo vào năm 12 tuổi tại Chùa Cao Lá - Thị Xã Sơn Tây - Tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội).

Tới năm 15 tuổi, Ngài được Sư tổ Chùa Hương là cố Hòa Thượng Thích Thanh Chân thu nhận làm đệ tử. Tới năm 19 tuổi Ngài được Hòa Thượng bản sư cho thọ giới Sa Di. Tới năm 1972 Ngài được thọ giới Cụ Túc và được thầy bản sư cho hạ sơn theo học lớp Trung Cấp Phật Học tại Chùa Quán Sứ - Hà Nội.

Trong thời gian theo học tại Chùa Quán Sứ, Hòa Thượng không những xuất sắc về mặt học vấn mà còn tinh nghiêm cả về giới luật, nên khi vừa tốt nghiệp, được Giáo hội tuyển chọn vào Trường Cao Cấp Phật Học Việt Nam khóa I, niên khóa 1981 - 1985. Năm 1985 Hòa Thượng tốt nghiệp Trường Cao cấp Phật Học Việt Nam, sau khi tốt nghiệp Ngài trở về chốn Tổ phụng sự Tam Bảo và bắt đầu hoằng dương Phật pháp.

Sau khi rời ghế nhà trường, Hòa Thượng nguyện là Sứ giả của Đức Như Lai, đem ánh sáng Phật pháp để thắp sáng thế gian bằng tinh thần vô úy, vô ngã, vị tha. Ngài luôn quan tâm đến việc đào tạo, giáo dục thế hệ Tăng Ni trẻ, coi đó là việc báo đáp thâm ân Phật Tổ thiết thực nhất. Vì vậy, Ngài đã là Giáo Thọ Sư của các Trường Trung Cấp Phật Học cũng như Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội.

Năm 1984, Ngài được nhân dân và chính quyền địa phương thỉnh mời về trụ trì Chùa Thầy, nơi Thánh tích của Thiên sư Từ Đạo Hạnh.

Năm 1985, với giới đức trang nghiêm và hạnh nguyện từ bi vô ngại, Ngài đã được Sư Tổ Thích Thanh Chân tin tưởng trao truyền kế thừa Động chủ Hương Tích.

Năm 1987, tại Đại hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ III, Ngài được tấn phong giáo phẩm Thượng Tọa và được suy cử và Hội đồng trị sự Trung ương Giáo Hội

Phật Giáo Việt Nam. Tại Đại hội kỳ III Tỉnh hội Phật giáo Hà Tây, Ngài được bầu làm Phó ban trị sự kiêm Chánh Thư Ký Tỉnh Hội.

Năm 1993, tại Đại hội kỳ IV, Ngài được bầu làm Ủy viên Thường Trực Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, kiêm Phó ban từ thiện Trung ương và là Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung ương Giáo Hội.

Năm 1998, Ngài được suy cử làm Phó ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương và tham gia làm Trưởng Ban trị sự Phật giáo Tỉnh Phú Thọ.

Tuy phải điều hành Phật sự tại hai chốn Tổ Đình lớn là Chùa Hương và Chùa Thầy, lại nhận lĩnh các chức vụ Giáo Hội cũng như Xã Hội. Thượng Tọa luôn hoàn thành xuất sắc các công Phật sự cũng như thế sự.

Trong suốt cuộc đời Hoằng pháp độ sinh không biết mỏi mệt của mình, với tâm nguyện đem sự thực hành tâm linh lợi ích cho nhân dân Việt Nam, đặc biệt thấp sáng truyền thống Kim Cương Thừa, Ngài đã thiết lập mối nhân duyên Phật pháp với các bậc Thượng sư truyền thừa dòng Drukpa là Đại sư Je Khenpo và nhận pháp Quán đĩnh, chính thức là một hành gia Mật tông thuộc dòng Drukpa chân chính.

Với sở học uyên thâm, giới đức trang nghiêm, từ bi vô lượng, những tưởng Ngài sẽ trụ thế lâu dài để phổ độ chúng sinh, đào tạo Tăng tài. Nào ngờ Ngài lại thuận thế vô thường, thân thần thị tịch vào lúc 18h 40 phút ngày 31 tháng 5 năm 2002 ( tức ngày 20 tháng 4 năm Nhân Ngọ), trụ thế 53 năm, hạ lạp 32 .

Tuy 53 năm là ngắn ngủi nhưng Hòa Thượng đã sống và hành đạo một cách trọn vẹn, đầy ý nghĩa. Ngài đã hiến dâng trọn cuộc đời của mình cho Đạo pháp, cho Dân tộc. Hạnh nguyện vô ngã, vị tha của người luôn là tấm gương sáng cho hàng Tăng Ni, Phật tử hậu học chúng ta mãi mãi về sau.

Pháp Tôn Hậu Học

TK. Thích Đạo Thịnh kính ghi.

# LẬP TÔNG

## Bài 1 (3 tiết):

Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng 900 năm, có một vị Bồ Tát tên là Vô Trước dùng thiên định lên cung trời Đâu Suất thỉnh Bồ Tát Di Lặc xuống nhân gian thuyết giảng bộ Du-Già-Sư-Địa Luận. Sau khi thụ giáo với Bồ Tát Di Lặc, ngài Vô Trước truyền lại cho em là Thế Thân (359 - 450 SCN). (Thế Thân tiếng Phạn là Vasubandhu phiên âm là Bà-tu-bàn-đà hay Bà-tẩu-bàn-đậu). Ngài Thế Thân trước theo Tiểu Thừa, không tin có Đại Thừa vậy nên Ngài đã soạn ra 500 bộ luận để bài xích Đại Thừa. Sau được anh là Vô Trước cảm hóa và chuyển sang Đại Thừa. Để sám hối tội phỉ báng Đại Thừa trước đây, ngài Thế Thân đã soạn ra 500 bộ luận nữa để xiển dương chính giáo Đại Thừa. Do đó người đời thường gọi Ngài là "Thiên Luận Sư".

Tông Duy Thức lấy Bồ Tát Di Lặc làm sơ tổ. Nhị tổ là ngài Vô Trước; tam tổ là ngài Thế Thân. Tông này có rất nhiều học giả trứ danh như: Pháp sư Đức Huệ, An Huệ, Hộ Pháp, Nan Đà, Tịnh Nguyệt, Thân Thắng, Tối Thắng Tử, Trí Nguyệt...

Ở Trung Hoa thời Đường (596 - 664) có ngài Trần Huyền Trang sang du học tại Ấn Độ (Thiên Trúc - 17 năm) thụ giáo với ngài Giới Hiền Luận Sư. Khi trở về nước, ngài Huyền Trang truyền lại cho đệ tử là Đại Sư Khuy Cơ. Duy Thức xuất hiện ở Trung Hoa kể từ đó và trở thành một trong mười Tông phái lớn của Phật giáo Trung Quốc.

Sang cuối thế kỷ thứ IX đầu thế kỷ X, Tông này dần dần bị suy kém. Đến đầu thế kỷ thứ XX, có ngài Thái Hư Đại Sư khởi xướng lên phong trào chấn hưng Phật giáo và đặc biệt xiển dương Tông này. Kể từ đó Tông Duy Thức lại được đông đảo các học giả đề ý tới.

Ở Việt Nam việc truyền thừa Duy Thức Học đã có từ lâu. Đến thời cận đại và hiện đại có các Luận Sư lớn chấn hưng Tông Phái này như các Hòa Thượng: Thập Thập, Tuyên Linh, Khánh An; Hòa Thượng Thiện Hoa, Thích Trí Độ, Ni Sư Như Thanh; Cư sĩ Thiều Chửu, Tuệ Nhuận, Lê Đình Thám vv...

Về pháp học thì Duy Thức Tông được hình thành và căn cứ vào sáu bộ Kinh và 12 bộ Luận được gọi là: “Lục Kinh và Thập Nhị Luận”:

### I. Lục Kinh:

#### 1. Kinh giải Thâm Mật

2. Kinh Hoa Nghiêm (A va tan sa ka su tra)
3. Kinh Như Lai xuất hiện công đức trang nghiêm (tathagataVirbda VA Guna Alam ka ra Su tra)
4. Kinh A Tỳ Đạt Ma (AdhidharSutra)
5. Kinh Lăng Nghiêm (có chỗ nói Lăng Già) (Lauk cuât Sutra)
6. Kinh Hậu Nghiêm ( Ghân Ugnha)

## II. Thập Nhị Luận:

1. Luận Du Già sư Địa (Yoga cara chu mi)
2. Luận Hiền Dương Thánh Giáo (Aryava prakarana)
3. Luận Đại Thừa Trang Nghiêm ( Su tra Alam ka ra)
4. Luận A Tỳ Đạt Ma Tập Tập (Abhidarma Sangiti)
5. Luận Nhiếp Đại Thừa (Mahayana Samparigraha)
6. Luận Thập Địa (Da sa Bu mi kashtra)
7. Luận Biên Trung Biên (Alambana pratyaya Sastra)
8. Luận Quán Sở Duyên Duyên (Alambana Pratayasastra)
9. Luận Du Già Phân Biệt (Yoga Vighaga)
10. Luận Tập Lượng (Samuccaya)
11. Luận Nhị Thập Tụng Duy Thức (Viradya matra Siddhi)
12. Luận Duy Thức Tam Thập Tụng.

Bộ "Duy Thức Tam Tự Kinh" này do học giả Đường Đại Viên (không rõ năm sinh, mất năm 1941. Người Huyện Vũ Cương - Tỉnh Hồ Nam - Trung Quốc) soạn ra, nhằm để tóm tắt và giới thiệu Duy Thức Học một cách khái quát, khiến cho người học có được khái niệm và những kiến thức cơ bản về Duy Thức. Chúng tôi dịch và biên soạn bộ giáo án này là y cứ vào nguyên bản của Đường Cư Sĩ và một số các bộ luận như: Thành Duy Thức Luận (*Dịch giả Hòa Thượng Thích Thiện Siêu*), Duy Thức Tam Thập Tụng Luận (*Dịch giả Tuệ Nhuận*), Duy Thức Học (*soạn giả Như Thanh*), Pháp Tướng Tông và Duy Thức Tam Thập Tụng Dị Giải (*Soạn giả Hòa Thượng Thích Thiện Hoa*), Duy Thứ Giảng Yếu (*soạn dịch Hòa Thượng Thích Hoàn Quan*).

**GIẢI THÍCH LUẬN DUY THỨC TAM TỰ KINH**  
**ĐƯỜNG ĐẠI VIÊN SOẠN VÀ THÍCH**  
Bài 2 (3 tiết)

Hỏi: Thức là gì?

Đáp: Đó là cái tâm mà bình thường chúng ta vẫn nói đến.

Hỏi: Đã là Tâm thì làm sao lại còn gọi là thức nữa?

Đáp: Đó là nói riêng về tác dụng nhận thức sự vật của nó cho nên gọi là thức.

Lại nữa, nhận thức của tâm tức là sự phân biệt cho nên trong Kinh Đức Phật giải thích chữ “Thức” là “minh liễu phân biệt” (*Phân biệt rõ ràng*) hoặc nói tắt là “liễu biệt”.

Hỏi: "Duy Thức" có ý nghĩa là gì?

Đáp: Nói đến "Duy Thức" có nghĩa là nói tắt cả sự vật, hiện tượng đang có ở trên thế giới này chẳng qua chỉ là cái hình tướng giả dối của tâm thức biến hiện ra mà thôi. Cho nên ở trên chữ “Thức” đặt thêm chữ “Duy” để nói nên cái ý ngoài "Thức" ra không còn một vật gì nữa.

Hỏi: Giảng Duy Thức có lợi ích gì?

Đáp: Nếu tất cả người đời đều biết hết thấy sự vật là những hình tướng giả dối, do tự tâm mình biến hiện ra, rồi điều phục cái tâm ấy, khiến cho tất cả ngoại vật đều theo tự tâm mình mà biến chuyển, không cần phải đi tìm cầu danh lợi ở bên ngoài nữa.

Hỏi: Đạo lý này trong sách Nho ở Trung Quốc có hay không?

Đáp: Lý Duy Thức trong sách Nho cũng có đôi chút, thí dụ như nói: “Tự cầu nhiều phúc chỉ ở ta mà thôi” hoặc nói: “Họa phúc đều do tự mình cầu lấy

cả” hay lại nói: “Một ngày sửa mình theo điều lễ thì cả thiên hạ sẽ quay về với đạo nhân”. Những lời thuyết giảng này giống như đã thấy được cái ý ngoại cảnh chuyển biến theo tâm mình. Điều này gần với Duy Thức vậy.

Lại nữa, người đời không hiểu được cái lý tất cả là do thức cho nên ai nấy đều vọng tưởng chạy theo bên ngoài để cầu cạnh và rồi khi tham cầu không được liền khởi lên chiến đấu, tranh giành, khiến cho thiên hạ đại loạn, đau khổ không sao tả xiết.

Tóm lại, có thể dùng một câu nhận định tổng quát rằng: "Đây đều là dùng lầm cái tâm mà thôi". Nay ta bàn cái hay của Duy Thức thì cũng có thể nói gọn một câu rằng: "Chẳng qua cũng chỉ là khéo dùng cái tâm mà thôi".

Thời nay, có rất nhiều người đang dùng lầm cái tâm ấy, không luận già hay trẻ. Nhưng số trẻ thì lầm lạc nhiều hơn, vậy nên không thể không mau chóng dùng phương pháp để cứu giúp họ. Lại nữa, suy nghĩ của số thanh niên kia rất đơn giản. Những kinh sách khó hiểu phần nhiều không chịu đọc, vì vậy nên tôi mới dùng những lời lẽ dễ hiểu, đem đạo lý Duy Thức viết thành bộ sách Tam Tự Kinh này, rồi lại dùng lời lẽ đơn giản để giải thích. Tất cả đều do lòng từ bi mà phát ra lời chúc nguyện rằng: "Muôn lần mong các bạn trẻ kính yêu từ nay trở đi hãy khéo dùng cái tâm của mình nhé".

唯識三字經  
太虛大師鑒定  
唐大圓著

DUY THỨC TAM TỰ KINH  
THÁI HƯ ĐẠI SƯ GIÁM ĐỊNH  
ĐƯỜNG ĐẠI VIÊN TRƯỚC.

Phần Thứ Nhất  
TÂM VƯƠNG  
Bài 3 (3 tiết)

人之初,性無記,  
非善惡,名藏識.

*Nhân chi sơ, tính vô ký,*

*Phi thiện ác, danh tạng thức.*

*Người mới sinh, tính vô ký,*

*Không thiện ác, gọi tạng thức.*

Lược giảng: Mạnh Tử nói: “Tính của người là thiện”. Tuân Tử nói: “Tính của người là ác”.

Tôi cho rằng: "Cả hai đều không đúng". Vì sao nói là không đúng? Vì "Tính" ấy không có nghĩa nhất định; nếu nhất định là thiện thì thế gian sẽ không có người ác. Nếu nhất định là ác thì thế gian này sẽ không có



người thiện. Căn cứ vào học thuyết của Duy Thức thì khi người ta mới sinh "Tánh" của nó là "Vô ký" (*tức không ghi nhớ*).

Thế nào gọi là vô ký? Nghĩa là Tánh này không phải là thiện cũng không phải là ác, tức là không có ghi nhớ về thiện hay ác. Tâm tánh vô ký này nhà Duy Thức đặt riêng cho nó một cái tên gọi là "A Lại Da Thức", được dịch là "Tàng Thức" hay "Tạng Thức".

**一切種, 皆攝藏  
萬法本, 善惡詳.**

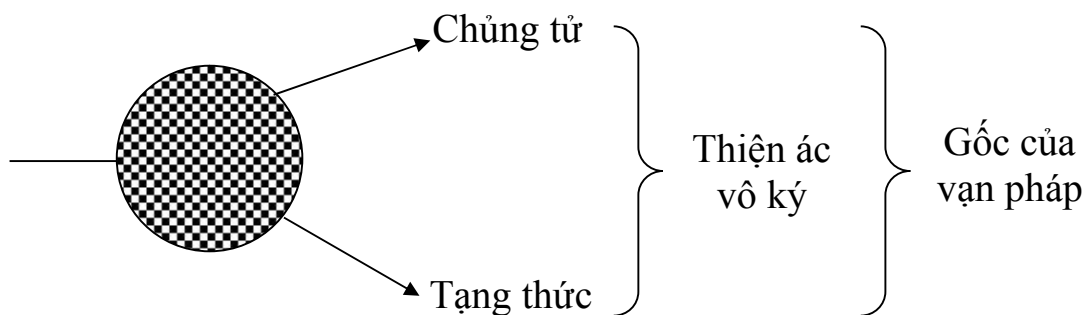
**Nhất thiết chủng, giai nhiếp tạng,**

**Vạn pháp bản, thiện ác tường.**

**Tất cả giống, đều thu giữ,**

**Gốc muôn pháp, rõ thiện ác**

Vì sao gọi là Tạng thức? Nghĩa là tất cả những chủng tử của sự sự, vật vật ở trên thế gian này đều được thu chứa và cất giữ ở trong thức ấy. Những cái mà người đời gọi là sự vật thì trong Kinh Phật đặt chung cho một cái tên là “ Pháp”. Nhân đó nên nói rằng: Thức này chứa đựng tất cả sự vật và là gốc rễ của muôn pháp. Song nên chú ý: Thức này tuy là vô ký nhưng nó chưa đựng chủng tử của tất cả các Pháp thiện ác. Cái vô ký của Tạng Thức cũng ví như chiếc bình pha lê chứa đựng rất nhiều những hạt giống ngũ cốc. Chiếc bình tuy không phân biệt được hạt giống tốt xấu, nhưng bản lai của hạt giống đó vẫn có sự tốt xấu rõ ràng.



**種發動，名現行，**

**七轉識，依止生。**

**Chủng phát động, danh hiện hành,**

**Thất chuyển thức, y chỉ sinh.**

***Giống phát động, gọi hiện hành,***

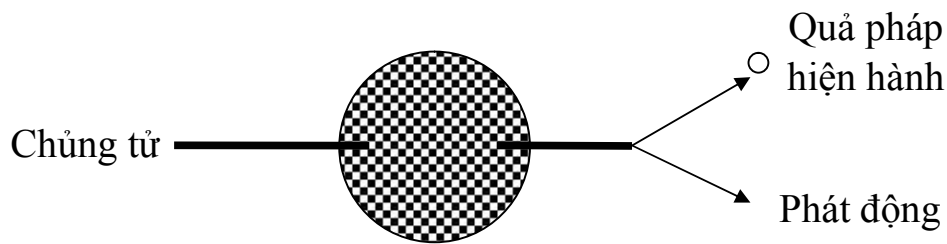
***Bảy chuyển thức, nương đó sinh.***

Chủng tử của thức chẳng qua chỉ là một thứ công năng mà thôi. Bình thường thì nó ẩn sâu vào trong không lộ ra, không có tướng mạo gì cho thấy được. Cần phải đợi khi nó phát động sinh quả mới gọi là chủng tử khởi ra hiện hành.

Ý này có nghĩa là: Chủng tử đã hiện ra hành vi rồi cho nên mới có hình tướng nhìn thấy được. Ví như người nào có chủng tử tham tài, ngày bình thường thì không ai trông thấy nó lộ ra, nhưng đến khi gặp được chỗ có tiền thì nó mới khởi ra và khiến thân đi tìm cầu.

Lúc đó, mới biết rằng hạt giống tham tiền của người kia đã phát động và khởi ra hiện hành.

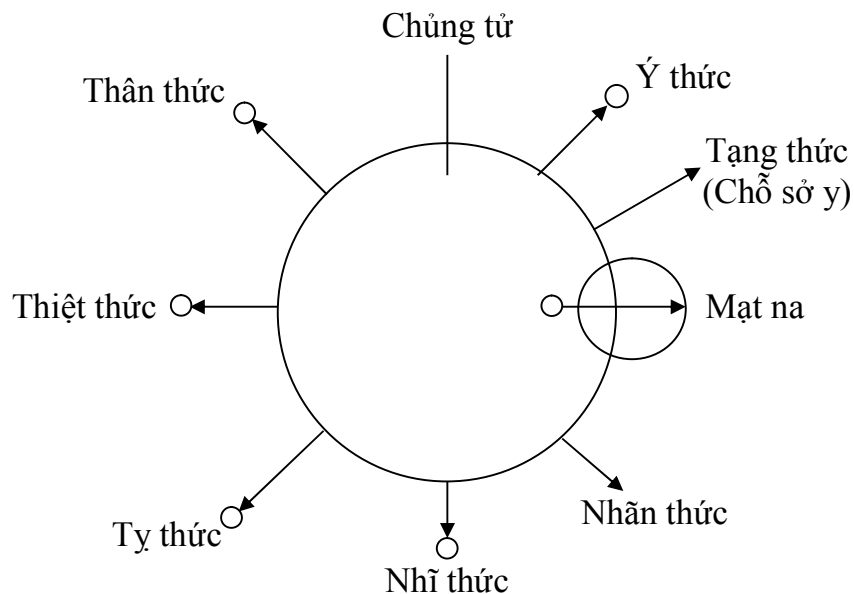
Xem bản đồ dưới đây:



Tạng thức là thức căn bản của các thức. Cho nên còn gọi là "Bản Thức". Ngoài nó ra còn có bảy thức nữa. Bảy thức này chuyển biến vô thường cho nên gọi là "Chuyển thức". Chủng tử của những thức kia đều ở trong Tạng thức, cho nên khi nó khởi lên hiện hành thì cũng nương vào Tạng thức mà phát sinh.

Nay xin lấy một ví dụ: Tạng thức ví như quán trọ. Bảy chuyển thức trước ví như khách trọ. Nên biết những khách trọ đó ai nấy cũng đều có cha mẹ sinh ra. Bảy thức trước và các pháp cũng đều có chủng tử của mình cất giấu ở trong tạng thức. Khi có thời cơ thì sẽ ở trong tạng thức mà khởi ra hiện hành.

Xem bản đồ dưới đây:



## Bài 4 (3 tiết)

眼見色，耳聞聲，  
鼻嗅香，舌味萌。

Nhãn kiến sắc, nhĩ văn thanh,  
Tỵ khứu hương, thiệt vị manh.  
*Mắt thấy sắc, Tai nghe tiếng,*  
*Mũi ngửi hương, Lưỡi nếm vị.*

Tại sao lại gọi những thức kia là Bảy chuyển thức? Bởi vì:

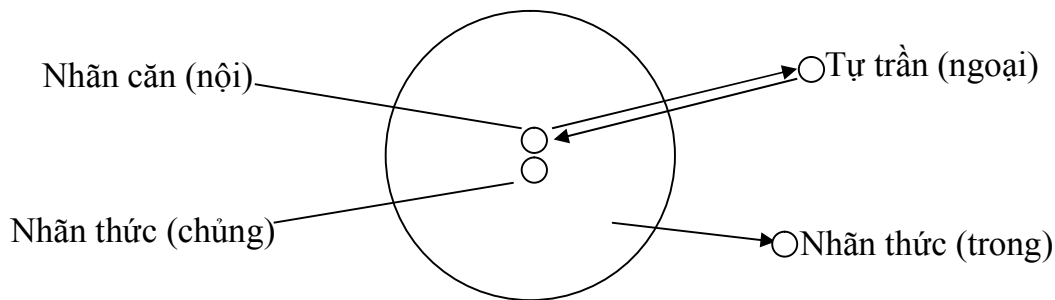
1. Khi Nhãn căn đối với sắc trần, hai bên gặp nhau liền sinh ra một thứ tác dụng là năng kiến (nhận biết), gọi là Nhãn thức.
2. Khi Nhĩ căn đối với thanh trần, hai bên gặp nhau thì sinh ra năng văn (nghe nhận), gọi là Nhĩ thức.
3. Khi Tỵ căn đối với hương trần, hai bên gặp nhau sinh ra năng khứu (ngửi thấy mùi), gọi là Tỵ thức.
4. Khi Thiệt căn đối với vị trần, hai bên gặp nhau sinh ra năng thường (nếm biết), gọi là Thiệt thức.
5. Khi Thân căn đối với xúc trần, hai bên gặp nhau sinh ra năng cảm (cảm nhận), gọi là thân thức.

身感觸，意知法，  
此六識，根塵挾。

Thân cảm xúc, ý tri pháp,  
Thử lục thức, căn trần hiệp.  
*Thân cảm xúc, Ý biết pháp,*  
*Sáu thức này, Căn trần hợp.*

6. Khi Ý căn tiếp xúc với sáu trần, hai bên gặp nhau sinh ra năng tri (nhận biết), gọi là ý thức.

Những thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp kia là lục trần ở bên ngoài, đối với sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý ở bên trong. Trong khoảng trung gian chúng gặp nhau, phối hợp với nhau mà sinh ra sáu thức là: 'Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỵ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức'. Cho nên trong bài kệ mới nói: “Căn trần hợp” là thế.



塵爲境，根能助，  
十八界，種各殊。

Trần vi cảnh, căn năng trợ,  
Thập bát giới, chủng các thù.

*Trần là cảnh, căn trợ thêm,  
Mười tám giới, giống điều khác.*

Sáu trần là những thứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp do vi trần tạo thành, gọi chung là sáu trần. Còn sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức mỗi thứ đều có cảnh giới sở duyên, cho đến sáu căn như: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vốn không phải trực tiếp sinh ra

sáu thức, chẳng qua chỉ có công năng giúp cho sáu thức khởi ra hiện hành mà thôi. Do đó nên gọi là "Sáu căn". Sáu trần này ở bên ngoài, còn sáu căn ở bên trong, chúng phối hợp với nhau ở trong khoảng trung gian phát sinh ra hiện hành, bấy giờ thì gọi chung là mười tám giới. Giới là tên gọi khác của Chủng tử, cho nên biết mười tám giới đều có chủng tử khác nhau.

Căn (trong)		Thức (trong)		Trần (ngoài)
Mắt	—————→	Nhãn	←—————	Sắc
Tai	—————→	Nhĩ	←—————	Thanh
Mũi	—————→	Ty	←—————	Hương
Lưỡi	—————→	Thiệt	←—————	Vị
Thân	—————→	Thân	←—————	Súc
Ý	—————→	Ý	←—————	Pháp

## 第七識，亦意根， 名末那，我執深。

**Đệ thất thức, diệc ý căn,**

**Danh mạt na, ngã chấp thâm.**

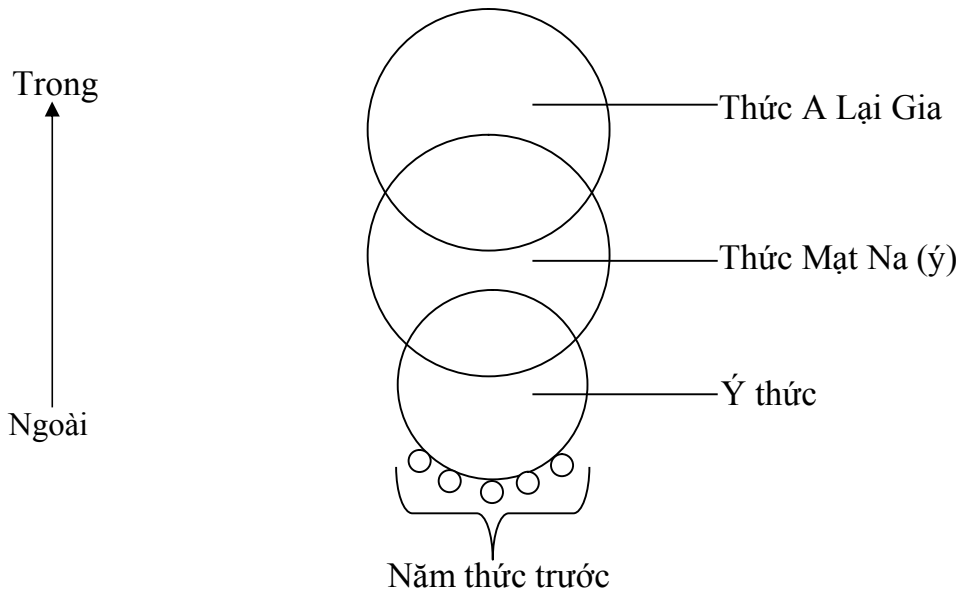
*Thức thứ bảy, là Ý căn,*

*Gọi Mạt na, chấp ngã sâu.*

Năm căn trước là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đều là sắc pháp thanh tịnh do bốn đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong tạo ra. Gọi là năm tịnh sắc căn. Thêm vào đó, đối với những thứ mà mắt thịt không nhìn thấy được, thì các nhà sinh lý học gọi chung là thần kinh tương tự. Những thứ mà năm căn nhục nhãn (mắt thịt)... nhìn nhận thấy được thì gọi là Phù Trần Căn, hay còn gọi là Y Xứ Căn.

Đến Ý thức thứ sáu thì không có Căn y xứ; lại không có Tịnh sắc căn. chỉ lấy thức thứ bảy là Mạt Na gọi là Ý căn. Bởi thế, cho nên cái Mạt na này là một mà có hai tên gọi. Nếu đứng về phía tác dụng liễu biệt mà nói thì gọi là Thức thứ bảy; Còn đứng về tác dụng hay sinh trưởng mà nói thì gọi là Ý căn thứ sáu.

Mạt Na nơi này dịch là Ý. Có nghĩa là Tư lường (suy nghĩ cân nhắc). Vì thường suy nghĩ, cân nhắc thức thứ tám, chấp đó là "Ta". Lại đem thứ tự của các thức ra mà nói thì năm thức trước ở ngoài cùng, thức thứ tám ở trong cùng, cho nên kệ nói: “Chấp ngã sâu là thế”.



第八識，阿賴耶，  
能所藏，我愛者。

Đệ bát thức, a lại da,

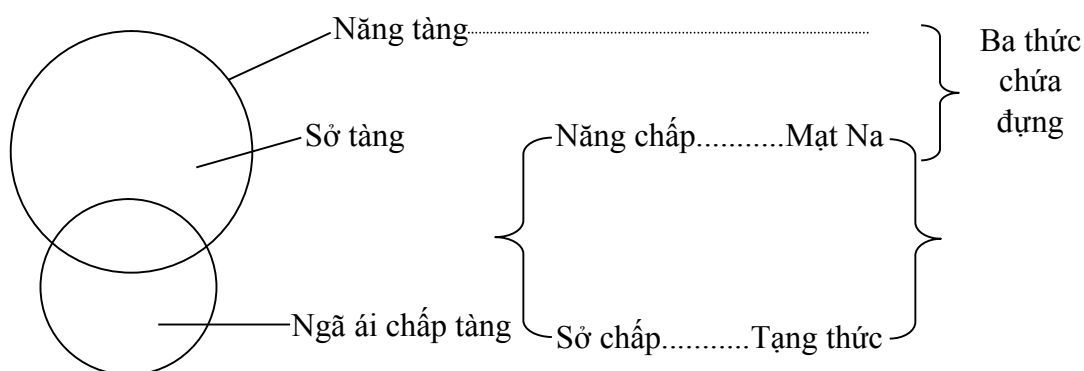
Năng sở tàng, ngã ái giả.

*Thức thứ tám, A Lại Da,*

*Thường chứa đựng, ngã và ái.*

Thức thứ tám tiếng phạn gọi là A Lại Da, dịch là Tạng thức. Tạng có 3 nghĩa:

1. Thức này thường chứa đựng hạt giống của các pháp nên gọi là Năng tàng.
2. Đứng về mặt chủng tử được chứa đựng trong đó mà nói thì gọi là Sở tàng.
3. Bởi thức thứ bảy thường ham đắm thức này chấp trước là ta, cho nên gọi là Ngã ái chấp tàng. Xem bản đồ dưới đây:



此八識，各自在，  
號心王，能主宰。

Thử bát thức, các tự tại,  
Hiệu tâm vương, năng chúa tể.  
*Bát là chủ, được tự tại,*  
*Gọi tâm vương, là chúa tể.*

Như trước đã nói tám thức: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý, Mạt Na, A Lại Da đều tự làm chủ; cũng gọi là tự tại hiện hành, không cần phải nương dựa vào thức khác cho nên gọi là Tâm Vương. Tức là cái ý nghĩa chia ra từng phần làm chúa tể vậy.

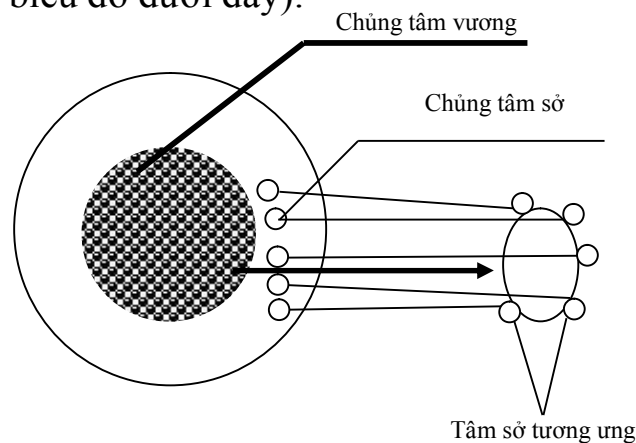


**Phần Thứ Hai**  
**NÓI VỀ TÂM SỞ**

王相應，有心所，  
五十一，種類夥。

**Vương tương ứng, hữu tâm sở,                      Vương tương ứng, có tâm sở,**  
**Ngũ thập nhất, chủng loại khỏa.                      Năm mươi một, giống rất nhiều.**

Lại có một thứ Tâm, tùy theo Tâm vương mà khởi lên, không được tự do tự tại cho nên gọi là Tâm sở hữu pháp, hay gọi đơn giản là Tâm sở. Lại nếu khi Tâm vương cùng với Tâm sở đồng thời duyên vào một cảnh giới thì gọi là tương ứng. Ví như khi mắt thấy bông hoa, lúc khởi lên (tâm tham ái) lòng yêu thích đó là tác dụng của Nhãn thức tâm vương. Nhãn thức này cùng với Tâm sở tương ứng nhau. Cái Tâm sở tương ứng với Tâm vương đó, nếu tính số lượng thì gồm có 6 ngôi, thành 51 thứ (xem biểu đồ dưới đây):



- Tâm sở {
- Tâm sở biến hành: Có 5
  - Tâm sở biệt cảnh: Có 5
  - Tâm sở thiện: Có 11
  - Tâm sở căn bản phiền não: Có 6
  - Tâm sở tùy phiền não: Có 20
  - Tâm sở bất định: Có 4

初徧行，有五支，  
觸作意，受想思。

**Sơ徧 hành, hữu ngũ chi,**

**Xúc tác ý, thụ tưởng tư.**

*Một徧 hành, có năm chi,*

*Xúc, tác ý, thụ, tưởng, tư.*

Cái ngôi vị tâm sở đầu tiên gọi là "Biến hành" nghĩa là biến khắp mọi nơi đều được tương ứng. Tâm sở này gồm 5 thứ. Tướng mạo của 5 thứ này ra làm sao? Hãy lấy nhãn thức làm thí dụ. Ví như mắt xem hoa lúc đầu khởi lên tác dụng, khiến cho Nhãn thức tiếp xúc với hoa gọi là "Xúc tâm sở"; đã tiếp xúc rồi liền khởi lên một ý nghĩ yêu thích và đi lấy hoa. Đó là "Tác ý tâm sở"; đã có tác ý là đi lấy để xem thì cái tâm bèn sinh ra cảm thụ ưa thích hay không ưa thích, đó là "Thụ tâm sở." Khi đã có cảm thụ thì liền tưởng tượng ra tướng mạo của bông hoa đó, đó là "Tưởng tâm sở." Đã chấp lấy hình tướng đó rồi liền sinh ra suy nghĩ về cái đẹp của hoa, thế rồi khởi tâm làm sao để lấy được nó mang về. Những thứ vọng niệm tạo tác này đều gọi là "Tu tâm sở."

次別境，亦五類，  
欲勝解，念定慧。

**Thứ biệt cảnh, diệc ngũ loại,**

**Dục thắng giải, niệm định tuệ.**

*Sau biệt cảnh, có năm loại,*

*Dục, thắng giải, niệm, định, tuệ.*

Tiếp đến ngôi thứ hai, có 5 loại tâm sở. Vì nó không biến hành được mà chỉ từng cái một duyên với cảnh giới sai biệt để sinh ra. Vì thế gọi là "Biệt cảnh tâm sở." Xin lấy một thí dụ để làm rõ: giống như chúng ta duyên vào một cảnh để cầu học, muốn đọc sách thì gọi là "Dục tâm sở". Duyên vào cảnh quyết định khiến cho sách đã đọc hiểu được rõ ràng gọi là "Thắng giải tâm sở". Duyên vào những sách đã từng đọc qua, luôn ghi nhớ không quên gọi là "Niệm tâm sở". Duyên vào sách đã đọc và ghi nhớ, khi được nhất tâm bất loạn thì gọi là "Định tâm sở". Duyên vào cảnh định này mà sinh ra được trí tuệ gọi là "Tuệ tâm sở".

論善法，共十一，

信爲首，繼慚愧。

**Luận thiện pháp, cộng thập nhất,**

**Tín vi thủ, kế tàm quý.**

***Thiện tâm sở, cộng mười một,***

***Tín làm đầu, đến tàm, quý.***

Ngôi thứ 3 gọi là Thiện tâm sở cộng lại có 11, cái đầu gọi là Tín. Như chúng ta tin vào chân lý Phật pháp thực hành sẽ chứng được quả Phật. Khi chứng thành Phật quả rồi thì tất cả thiện pháp đều từ đó mà sinh ra. Bởi thế cho nên Tín là đầu mối của tất cả các thiện pháp. Tiếp theo Tín có Tàm tâm sở và Quý tâm sở. Hai tâm này đều lấy hổ thẹn với việc làm sai trái và tội ác của mình làm tướng thể. Tàm là tự hổ thẹn đối với mình mà nói. Như trong ý tứ của sách Nho nói: “làm việc có xấu hổ”. Quý là tự biết sinh tâm hổ thẹn đối với người mà nói. Như ý tứ của câu: “Thẹn không bằng người”. Như nói rõ ra thì Tàm là đối với mình không vững, Quý là đối với người không khởi lên.

無貪等，三根聚，  
勤輕安，不放逸。

**Vô tham đấng, tam căn tụ,  
Cần khinh an, bất phóng dật.**

*Và vô tham, ba căn tụ,  
Cần, khinh an, không phóng dật.*

Tâm sở thứ tư gọi là vô tham, nghĩa là đối với Tài và Pháp đều không tham đắm. Thứ năm là vô sân, nghĩa là đối với cảnh khổ, trái ý không được giận dữ. Vô si nghĩa là đối với mọi sự lý rõ ràng không mờ mịt. Ba thứ này hợp lại với nhau gọi là ba thiện căn. Thứ bảy là cần, tức là tinh tiến, mạnh mẽ đề tu thiện đoạn ác vậy. Thứ tám là khinh an nghĩa là thân tâm an ổn, nhẹ nhàng ưa thích làm việc. Thứ chín là không phóng dật nghĩa là y vào công năng siêng phòng ác tu thiện của ba thiện căn, thì lại đặt cho nó một cái tên là bất phóng dật.

行蘊捨，非捨受，  
及不害，無瞋有。

**Hành uẩn xả, phi xả thụ,  
Cập bất hại, vô sân hữu.**

*Hành uẩn xả, không xả thụ,  
Và bất hại, không có sân.*

Hành uẩn xả nghĩa là do năm uẩn: sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Có hai thứ xả: một là khổ lạc xả; hai là xả thụ trong hành uẩn, hay khiến cho tâm trước đây được bình đẳng, tiếp đến chính trực, cuối cùng là vô công dụng đạo, đó là thiện pháp. Điều này có thể ví như người muốn nhảy xa,

phải nên lùi một vài bước để lấy đà sau đó mới nhảy được xa. Tu hành cũng như thế, tùy theo lúc hành, lúc xả không nên chấp chệ. Giống như kinh Kim Cương nói rằng: “Pháp còn nên bỏ huống là phi pháp”. Mười thứ bất hại; nghĩa là không làm tổn hại các loài hữu tình.

Đó là y vào tâm vô sân mà thiết lập ra điều không giết hại mạng của chúng sinh cho nên kệ nói là do vô sân mà có.

根本惑，六可辨，

貪瞋痴，慢疑見。

**Căn bản hoặc, lục khả biện,**

**Tham sân si, mạn nghi kiến.**

*Căn bản hoặc, có sáu thứ,*

*Tham sân si, mạn nghi kiến.*

Ngôi thứ tư gọi là Tâm sở căn bản phiền não. Nghĩa là tâm sở này thường khiến cho người ta buồn phiền, rối loạn, lại còn được gọi là "Hoặc". Nó là cội gốc của phiền não, còn gọi là căn bản phiền não. Nếu chia ra thì có 6 thứ:

Một là tham đắm tài vật, của cải không bỏ. Gọi là Tâm sở tham;

Hai là khi gặp cảnh buồn khởi lên lòng giận dữ gọi là Tâm sở sân;

Ba là đối với các sự lý không thể hiểu rõ được, gọi là Tâm sở si;

Bốn là tự cậy có tài học rộng nghe nhiều mà khinh rẻ người khác gọi là Tâm sở mạn;

Năm là đối với các sự lý, chần chừ không quyết định gọi là Tâm sở nghi;

Sáu là đối với giáo lý giải thoát, phán đoán lung tung, ngăn cản việc làm lành gọi là Tâm sở ác kiến.

Tâm sở ác kiến này lại chia làm 5 thứ: Một là *tác giá gia kiến* dịch là *nguy thân kiến*. Nghĩa là tự thân mình chấp có cái ta hoặc là chấp có cái sở hữu của ta; Hai là *biên kiến*. nghĩa là đối với sự chấp ngã lại chấp là thường còn, không mất. Gọi là *chấp thường biên*; hoặc là chấp sau khi chết rồi mất hẳn gọi là *chấp đoạn biên*; Ba là *tà kiến* tức là không tin nhân quả và không tin sự tu hành thành Phật; Bốn là *kiến thủ* tức là cố chấp một việc gì đó cho là hơn hết có thể giải thoát; Năm là *giới cấm thủ*, giống như ngoại đạo ở Ấn Độ có những cái chấp sai lầm về giới là không ăn thịt chó... cho như thế sẽ được thành đạo.

隨煩惱，有二十，

小中大，堪分別。

**Tùy phiền não, hữu nhị thập,**

**Tiểu trung đại, kham phân biệt.**

***Tùy phiền não, có hai mươi,***

***Tiểu trung đại, nên phân rõ.***

Ngôi thứ năm gọi là tùy phiền não. Đó là cành lá của gốc rễ phiền não, tùy theo gốc rễ của phiền não mà khởi lên, ví như cành lá của gốc rễ một cây. Tùy phiền não này có 20 thứ, nếu nói rõ ra thì có thể phân biệt được 3 thứ là: Tiểu tùy phiền não, Trung tùy phiền não và Đại tùy phiền não.

忿恨覆，惱嫉慳，  
誑諂害，與憍並。

**Phẫn hận phú, nảo tật san,  
Cống siểm hại, dữ kiêu tịnh.**

*Phẫn, hận, phú, nảo, tật, san,  
Cuống, xiểm, hại, cùng với kiêu.*

Một là Phẫn: tức là đối với những cảnh giới không vừa lòng trước mắt mà khởi lên tướng mạo thô bạo nóng nảy này. Hai là Hận: đã khởi lên thô bạo nóng nảy, rồi ôm lòng ác, thù hằn không bỏ. Ba là Phú: che giấu tội lỗi của mình. Bốn là Nảo: trước tiên giận bực sau sinh ra phiền não. Năm là Tật: ghen ghét những sự tốt đẹp của người khác. Sáu là San: Ham mê tài pháp không bỏ. Bảy là Cuống: vì cầu lợi dưỡng, danh dự, giả hiện bên ngoài là người có đức. Tám là Xiểm: giả bày đặt ra tướng mạo để lừa gạt người khác. Chín là Hại: làm tổn não các loài hữu tình. Mười là Kiêu: đối với việc tốt đẹp của mình sinh ra đả đốn tha thiết.

此自類，各別起，  
小隨十，麤猛爾。

**Thử tự loại, các biệt khởi,  
Tiểu tùy thập, thô mãnh nhĩ.**

*Những loại này, đều khởi riêng,  
Mười tiểu tùy, rất thô mạnh.*

Mười thứ tiểu tùy phiền não này sở dĩ gọi là tùy phiền não bởi vì tính nó rất thô mạnh, không cùng khởi lên với thứ khác, chỉ khởi riêng đối với mình mà thôi.

無慚愧，自他辨，  
中隨寬，徧不善。

**Vô tà̃m quý, tự tha biệ̃n,  
Trung tùy khoan, biế̃n bất thiệ̃n.**

*Vô tà̃m quý, rồ̃ mình ngườ̃i,  
Trung tùy rộng, khắp bất thiệ̃n.*

Mười một là Vô Tàm: nghĩa là có tội lỗi không sợ, không biết tự hổ thẹn với mình. Mười hai là Vô Quý: nghĩa là có tội lỗi không biết thẹn đối với người khác. Hai thứ tâm sở này đều là ý nghĩ không biết hổ thẹn. Đối với mình thì gọi là tà̃m, đối với người khác thì gọi là quý. Nhưng vì hai tâm sở này thường biế̃n khắp trong các tâm sở bất thiệ̃n, khiến nó tương ứng đồng thời khởi lên. So sánh với tiểu tùy phiề̃n nã̃o thì phạm vi nó rộng hơn, cho nên gọi là trung tùy phiề̃n nã̃o.

始掉舉，昏不信，  
怠放逸，失念侵。

**Thỉ trạ̃o cử, hôn bất tín,  
Đãi phóng dậ̃t, thấ̃t niệ̃m xâm.**

*Trướ̃c trạ̃o cử, hôn bất tín,  
Đãi phóng dậ̃t, và thấ̃t niệ̃m.*

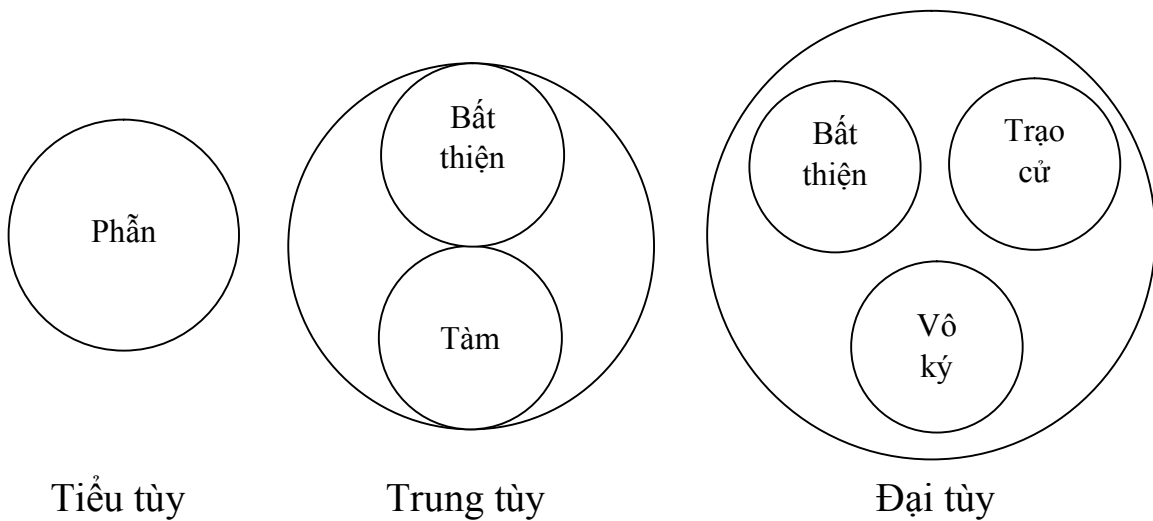
Mười ba là Trạ̃o cử: nghĩa là khiến cho tâm với cảnh bồn chồn, dao động không được yên tĩnh. Mười bốn là Hôn trầm: nghĩa là khiến cho tâm với cảnh mờ mờ mịt mịt. Mười lăm là Bất tín: nghĩa là đối với những điều thiệ̃n không có lòng tin. Mười sáu là Giải đãi: nghĩa là đối với những việc thiệ̃n lười biế̃ng không muốn làm. Mười bảy là Phóng dậ̃t: nghĩa là phóng túng làm theo các việc ác. Mười tám là Thấ̃t niệ̃m: tức là ngược lại với cái niệ̃m biệ̃t cảnh.



及散亂，不正知，  
染心徧，八大隨。

**Cập tán loạn, bất chính tri,**  
**Nhiễm tâm biền, bát đại tùy.**  
*Cùng tán loạn, bất chính tri,*  
*Nhiễm tâm khắp, tám đại tùy.*

Mười chín là Tán loạn: nghĩa là tâm giao động, ngăn trở chính định. Hai mươi là Bất chính tri: nghĩa là hiểu lầm cảnh sở quán, làm chướng ngại sự hiểu biết chân chính. Từ tâm trạo cử cho đến bất chính tri, tám tâm sở này thường ở trong tâm nhiễm của ác và vô ký mà cùng nhau khởi lên. Phạm vi hoạt động của nó so với Trung tùy thì lớn hơn nhiều nên gọi là Đại tùy phiền não. Nay xin vẽ sơ đồ của tùy phiền não như sau:



四不定，曰悔眠，  
共罽伺，善染兼。

**Tứ bất định, viết hồi miên,  
Cộng tâm tứ, thiện nhiễm kiêm.**

***Bốn bất định, gọi hồi miên,  
Cùng tâm tứ, gồm thiện nhiễm.***

Ngôi thứ sáu gọi là Bất định tâm sở. Nghĩa là có bất định thiện, có bất định nhiễm. Tổng cộng có bốn thứ:

1. Hồi: Còn gọi là ác, là tà. Nghĩa là làm ác trước rồi sau lại theo đó mà hồi hận như: ân hận trước chưa đọc sách là thiện; hồi trước chưa tà dâm là ác...
2. Miên: Nghĩa là ngủ nghỉ tâm bị mờ ám, thân không tự tại.
3. Tâm: Ví như người mất của cải mau chóng tìm tòi, đó gọi là Tâm sở tâm.
4. Tứ: Tìm cầu chưa được lại suy nghĩ, xem xét kỹ lưỡng để tìm lấy gọi là Tâm sở tứ.

**Phần Thứ Ba**  
**SỰ PHÂN CHIA CỦA THỨC**

唯識言，攝心所，  
各四分，顯量果。

**Duy thức ngôn, nhiếp tâm sở,**  
**Các tứ phận, hiển lượng quả.**  
*Nói duy thức, gồm tâm sở,*  
*Chia làm bốn, hiển lượng quả.*

Nói đến một câu "Duy Thức" này thì liền bao quát cả phần tâm sở ở trong. Vậy thì sao không nói là "Duy tâm sở"? Bởi vì, tâm sở tương ứng với tâm vương cho nên chỉ cần nói "Duy Thức Tâm Vương" là đủ, chẳng cần phải nói đến tâm sở nữa. Lại nữa: Thức này cùng với tâm sở nếu nói rõ ràng ra thì có thể chia làm bốn bộ phận phạm thức duyên cảnh như lấy thước để đo vật. Nếu xét kỹ bốn phần này có thể đem cái quả của lượng này mà bày tỏ ra.

能分別，名見分，  
如明鏡，能鑑形。

**Năng phân biệt, danh kiến phần,**  
**Như minh kính, năng giám hình.**  
*Năng phân biệt, gọi kiến phần,*  
*Như gương sáng, soi các hình.*

Khả năng phân biệt của "Thức" cũng giống như cái thước đo nên gọi là kiến phần. Lại giống như chiếc gương sáng, có thể soi tỏ hình dáng của chúng ta.

所分別，相分起，  
似人影，生鏡裏。

**Sở phân biệt, tướng phân khởi,**

**Tự nhân ảnh, sinh kính khỏa.**

*Sở phân biệt, khởi tướng phân,*

*Giống bóng người, hiện trong gương.*

Vật bị phân biệt này như cái thước đo lường dài, được gọi là "Tướng phân"; giống như hình bóng của chúng ta hiện ra ở trong gương.

相見依，名自證，  
若鏡體，光影映。

**Tương kiến y, danh tự chứng,**

**Nhược kính thể, quang ảnh ánh.**

*Nương tướng thấy, gọi tự chứng,*

*Giống thể gương, soi ánh sáng.*

Thứ đến hai phần kiến và tướng nương vào phần thứ 3 mà khởi lên. Bởi kiến phần của mình thường chứng biết có năng duyên còn gọi là Tự chứng phần. Có thể ví như chất pha lê (tính sáng) của tấm gương nhờ ánh sáng và hình bóng mà nổi lên.

證自證，喻鏡背，

自證依，善分配

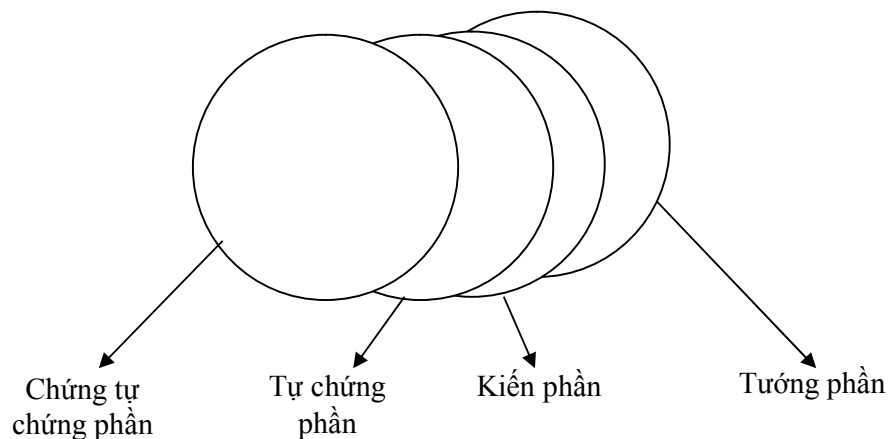
**Chứng tự chứng, dụ kính bội,**

**Tự chứng y, thiện phân phối.**

*Chứng tự chứng, giống lưng gương,*

*Nương tự chứng, khéo phân chia.*

Chứng tự chứng phân là chỗ dựa cho tự chứng phận. Nó phải nương vào đó mà khởi lên. Cũng giống như mặt lưng của tấm gương, nó là chỗ dựa của mặt gương để phát ra ánh sáng. Như thế đủ biết mỗi một thức hoặc một tâm đều có bốn phần hãy phân chia cho khéo.



三與四，又五證，  
故能去，無窮病。

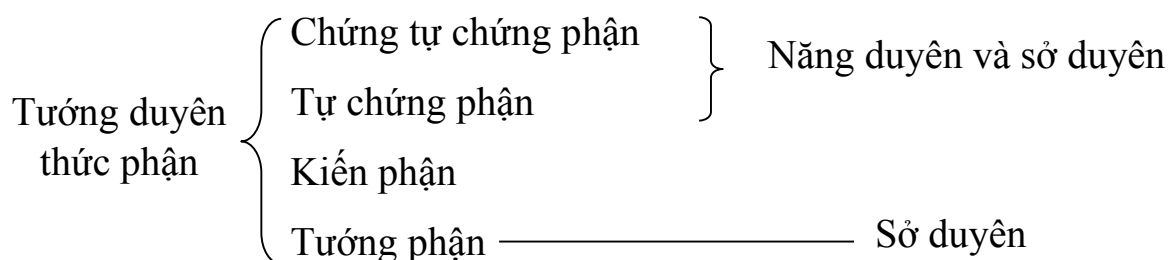
**Tam dữ tứ, hựu ngũ chứng,**

**Cố năng khứ, vô cùng bệnh.**

**Ba với bốn, thay nhau chứng**

**Chẳng bỏ được, bệnh vô cùng.**

Tóm tắt trên đây mà nói thì kiến thứ hai hay duyên với kiến phần thứ nhất. Tự chứng phần thứ ba hay duyên với kiến phần thứ hai. Chỉ có tự chứng phần thứ ba là kiến phần không thể chứng được nó. Bởi kiến phần có khi còn là "phi lượng" nên mới nương vào lý này mà xây dựng lên Chứng tự chứng phần thứ tư. Khiến cho nó duyên với tự chứng phần của thức thứ ba mà chứng lấy. Xong Tự chứng phần đã không phải là phi lượng nhưng nó lại có thể khiến chứng được tự chứng phần thứ tư. Như vậy thì hai phần ba và bốn này có thể thay nhau mà chứng. Cho nên không cần phải xây dựng thêm từ phần thứ năm trở xuống nữa. Mà cũng có thể trừ bỏ được cái bệnh sai lầm vô cùng.



Phần thứ tư  
THỨC BIẾN

山河大，微塵細，  
皆識變，如幻戲。

Sơn hà đại, vi trần tế,  
Giai thức biến, như huyễn hý.

*Sông núi lớn, vi trần nhỏ,  
Đều Thức biến, như trò rối.*

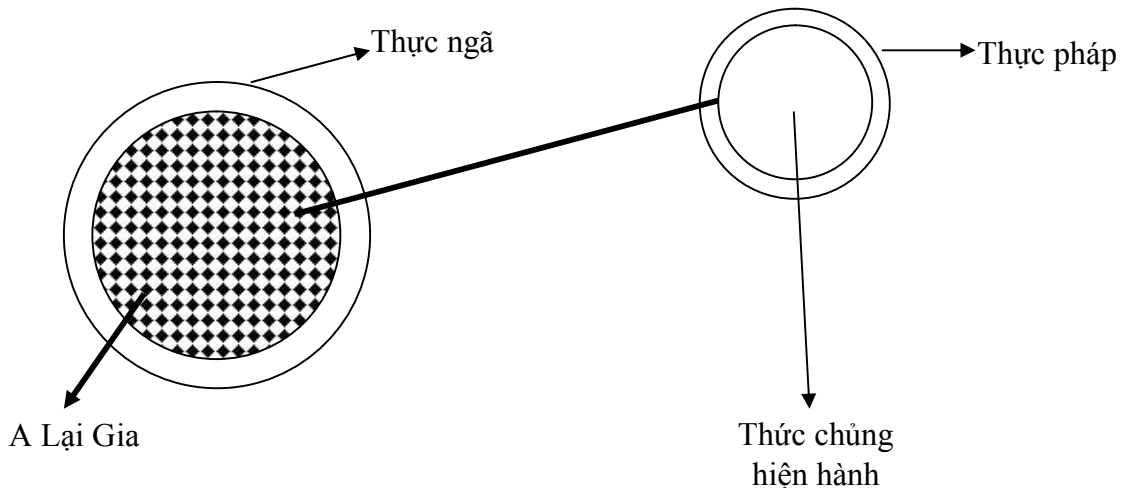
Căn cứ vào những triết lý trên mà suy xét thì bất luận lớn như sông núi, nhỏ như vi trần đều là bóng hình giả dối do thức biến hiện ra, giống như một vở kịch của trò múa rối vậy.

人不知，執實我，  
與實法，道已左。

Nhân bất tri, chấp thực ngã,  
Dữ thực pháp, đạo dĩ tả.

*Người không biết, chấp thực ngã,  
Và thực pháp, nên trái đạo.*

Bởi người đời không biết cái giả ảnh của thức biến hiện ra nên mới nhận lầm thân mình có thực; là chúa tể của ta và thế gian, quốc gia, chính trị... đó là sự nắm giữ các pháp cho là thực có, mắc vào cái tư tưởng điên đảo như thế thì trái hẳn với đạo lý đúng đắn của Duy Thức rồi.



生煩惱，及所知，  
二障起，佛性迷。

Sinh phiền não, cập sở tri,  
Nhị chương khởi, Phật tính mê.

*Sinh phiền não, và sở tri,*

*Khởi hai chương, mê Phật tính.*

Nhân vì chấp có thực ngã nên bao nhiêu thứ vì ta mà khởi ra những phiền não tham, sân, si... liền sinh ra một thứ chương ngại gọi là Phiền não chương. Lại vì chấp có thực pháp, coi những việc ở thế gian là chân thực, nên không thể bỏ được sự cầu cạnh, vậy nên nó trở thành một thứ chương ngại gọi là Sở tri chương. Hai thứ chương ngại này sinh ra, nó liền ngăn che mất Phật tính xưa nay vốn trong sạch sáng suốt của mình; khiến cho nó không thể phát ra ánh sáng được nữa cho nên gọi là mê mất Phật tính.

眞覺者，佛菩薩，  
說唯識，破我法。

Chân giác giả, Phật Bồ Tát,  
Thuyết duy thức, phá ngã pháp.

*Chân giác ấy, Phật Bồ tát,*

*Nói Duy Thức, phá ngã chấp.*

Chúng sinh tuy mê mất Phật tính nhưng có đấng Đại Giác chân thực có thể phá mê khai ngộ. Tức là sau Phật có các Bồ Tát hoặc nói kinh, hoặc viết luận... chỉ vì chúng sinh mà nói lý tất cả do thức để phá bỏ pháp chấp và ngã chấp cho chúng sinh.



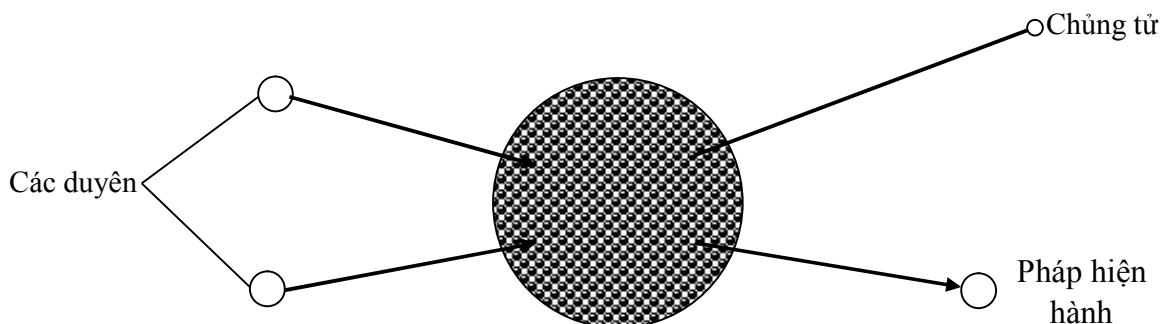
## Phần thứ năm BỐN DUYÊN

識種子，徧法界，  
待眾緣，現行快。

**Thức chủng tử,徧 pháp giới,  
Đãi chúng duyên, hiện hành khoái.**

*Chủng tử thức, khắp pháp giới,  
Đợi các duyên, chóng hiện hành.*

Làm sao mà biết được thức biến hiện ra tất cả các pháp? Nên biết thức có chủng tử (hạt giống) như những loại hạt ngô, lúa... của thế gian, xong chủng tử của thức tuy không có hình tướng mà nó lan tràn khắp cả pháp giới chỗ nào cũng có. Nó được chứa hết ở trong thức A-Lại-Da thức. Có điều là chủng tử chứa ở trong A- Lại- Da không bao giờ vô cơ mà cùng hiện ra một lúc mà cần phải đợi có các duyên hội đủ, khiến cho chủng tử thành thực (chín) rồi mới lần lượt hiện hành, khi đó thì rất nhanh chóng.



種生現，名因緣，  
見取相，所緣緣。

**Chủng sinh hiện, danh nhân duyên,  
Kiến thủ tướng, sở duyên duyên.  
*Giống sinh hiện, gọi nhân duyên,  
Kiến thủ tướng, sở duyên duyên.***

Duyên tuy rất nhiều xong nói tóm lại thì chỉ có 4 thứ:

Một là: như khi chủng tử sinh ra hiện hành, thì cái nhân của chủng tử hiện hành này gọi là nhân duyên của chủng tử duyên;

Hai là: kiến phần của thức duyên với tướng phần, tướng phần là năng duyên kiến phần là sở duyên. Vì thế nên gọi là tướng phần này là Sở duyên duyên.

剎那續，念生滅，  
平等緣，無間隔。

**Sát na tục, niệm sinh diệt,  
Bình đẳng duyên, vô gián cách.  
*Sát na nối, niệm sinh diệt,  
Duyên bình đẳng, không ngăn cách.***

Sát na là danh từ trong Kinh sách nhà Phật, dùng để chỉ một thời gian rất nhanh, thời gian ngắn đến mức nào? Luận Câu-xá nói: “Người tráng sĩ co duỗi cánh tay có 65 Sát-na”. Kinh Nhân Vương nói: “trong một niệm có 90 Sát-na” như thế thì đủ thấy là cái thời gian này ngắn đến mức không thể lường tính được. Đức Phật có dạy: tất cả các pháp hữu vi đều

nối tiếp nhau từng sát na sinh diệt trong mỗi niệm. Hình dáng của sự sinh diệt đó xin xem bản đồ dưới đây.

Sinh ----- Diệt ----- Sinh ----- Diệt ----- Sinh ----- Diệt

Đây nghĩa là ở trong một sát na, niệm trước vừa mới sinh ra liền lập tức diệt ngay và dẫn đường cho niệm sau sinh rồi lại diệt thôi, thời gian bình đẳng không có cái gì ngăn cách cho nên cái thứ ba gọi là "đẳng vô gián cách".

此三餘，緣增上，

順或違，俱無障。

**Thử tam dư, duyên tăng thượng,**

**Thuận hoặc vi, cụ vô chướng**

*Ngoài ba thứ, duyên tăng thượng,*

*Thuận hoặc nghịch, đều không chướng.*

Ngoài ba duyên vừa kể ở trước ra còn có một pháp nữa thường khởi lên tác dụng, làm tăng thượng duyên của pháp kia như: đất, nước, phân bón... khiến cho hạt giống, hoa màu sinh sôi nảy nở thì gọi những thứ như đất, nước ... là tăng thượng duyên của hoa màu. Lại cái duyên này khi làm tăng thượng cho pháp nào thì cũng không làm chướng ngại cho sự tăng trưởng của Pháp ấy. Căn cứ vào ý nghĩa không chướng ngại đó có thể chia duyên này thành hai thứ thuận nghịch. Duyên tăng thượng thuận thì cũng giống như những thứ đất, nước với hạt giống hoa màu. Duyên tăng thượng nghịch thì giống như sương tuyết ngăn sự sinh trưởng của lá xanh mà không làm chướng ngại sự sinh ra của lá đỏ.

**Phần thứ sáu**  
**TAM LƯỢNG**

離名種，現前取，  
是現量，無計度。

**Ly danh chủng, hiện tiền thủ,**

**Thị hiện lượng, vô kế độ.**

*Lìa danh chủng, lấy hiện tiền,*

*Là hiện lượng, không tính toán.*

Trước đây nói kiến phần của thức thường duyên với tướng phần giống như dùng thước để đo lường sự vật, lấy cái tác dụng năng duyên của thức này mà nói thì có ba thứ lượng pháp không giống nhau.

Một: Như mắt xem hoa, lúc đầu mới nhìn thì không mảy may phân biệt được hoa đó là hoa gì, thuộc chủng loại nào. Chỉ chấp nhận lấy cái tướng hiện tiền đó, gọi là hiện lượng. Làm sao mà biết được hiện lượng không phân biệt được danh ngôn với chủng tính. Nghĩa là thức suy lường sự vật thì nói chung có ba thứ phân biệt. Như nhãn thức... Khi đo lường hiện tiền thì chỉ có tự tính phân biệt mà không có hai thứ phân biệt tùy niệm đo lường, cho nên không thể phân biệt được danh ngôn với chủng loại.

藉眾相，觀其義，  
由比度，量乃遂。

**Tạ chúng tướng, quán kỳ nghĩa,**

**Do tỷ độ, lượng nãi toại.**

*Nhờ các tướng, xem nghĩa này,*

*Do đạc này, lượng mới đủ.*

Thứ hai: Ví như đằng xa nhìn thấy khói so sánh (suy nghĩ) biết ở chỗ đó có lửa. Ngẩng xem quang sáng của mặt trăng so sánh thì biết sắp có gió. Cúi xuống nhìn thấy đá tảng đổ mồ hôi so sánh nên biết không lâu sẽ có mưa. Những việc như thế là do mượn các hình tượng (kinh nghiệm) để khảo sát nghĩa lý mà đem sự vật này với sự vật kia so sánh suy lường để biết thì gọi là Tỷ lượng.

現比謬，量爲非，

此三種，能緣依。

**Hiện tỷ mậu, lượng vi phi**

**Thủ tam chủng, năng duyên y.**

*Hiện tỷ nhâm, lượng cũng trái,*

*Ba lượng này, thường duyên y.*

Thứ ba: Phạm hiện lượng hoặc tỷ lượng có khi nhầm lẫn không chính xác thì đều gọi nó là Phi lượng. Ba lượng như trên là do y vào năng duyên của thức mà có được.

更有量，曰聖言，

佛親證，俱宜遵。

**Cánh hữu lượng, viết Thánh ngôn, *Lại có lượng, gọi thánh ngôn,***

**Phật thân chứng, cụ nghi tuân. *Phật thân chứng, chỉ nên theo.***

Ngoài ba lượng kể trên ra lại có một thứ lượng do Đức Phật tự dùng hiện lượng và tỷ lượng để chứng được mà nói ra. Những lời dạy này ghi chép ở trong Kinh, Luật, Luận gọi là Thánh Ngôn Lượng. Bởi vì đó là những cảnh giới do Phật thân chứng, hàng phàm phu chúng ta không thể dùng tỷ lượng mà biết, cũng không thể dùng hiện lượng mà chứng được. Chỉ tuân theo lời Thánh Ngôn Lượng của Đức Phật để mà thực hành tất sẽ được lợi ích.

**Phần thứ bảy**

**BA CẢNH**

識所緣，有三境，  
不仗質，名獨影。

**Thức sở duyên, hữu tam cảnh,  
Bất trượng chất, danh độc ảnh.**

*Thức sở duyên, có ba cảnh,  
Không nhờ chất, gọi độc ảnh.*

Do thức duyên theo lượng của kiến phần không giống nhau, do đó sở biến của kiến phần với tướng phần sở duyên khởi ra. Nên cũng có ba cảnh không giống nhau. Một là bản chất nó không dựa dẫm vào sự vật khác, chỉ đơn độc theo kiến phần biến khởi ra hình bóng rồi duyên theo thì gọi là Độc ảnh cảnh.

緣兔角，本來無，  
隨意變，影自孤。

**Duyên thố giác, bản lai vô,  
Tùy ý biến, ảnh tự cô.  
Duyên sùng thỏ, vốn không có,  
Tùy ý biến, bóng cô lập.**

Ví như có người duyên tưởng đến một con thỏ có sừng nhưng thỏ thì xưa nay vốn không có sừng. Chẳng qua là do người ấy theo ý nghĩ riêng của mình biến khởi riêng ra một thứ hình ảnh như vậy mà thôi.

緣無爲，或有質，  
彼不生，仍非實。

**Duyên vô vi, hoặc hữu chất,  
Bỉ bất sinh, nhưng phi thực.  
*Duyên vô vi, hoặc hữu chất,  
Thường không sinh, là không thực.***

Độc ảnh cảnh có thể duyên làm hai thứ: Như thí dụ trước nói về chuyện duyên sùng thờ gọi là Vô tác độc ảnh cảnh.

Ví như khi duyên đối với những Pháp Vô Vi chân như thì cũng phải dựa vào những ngôn thuyết của chân như làm bản chất thì gọi là Hữu chất độc ảnh cảnh. Nhưng bởi vì pháp vô vi chân như là không sinh không diệt nhưng tuy nói là hữu chất mà cũng là phi thực hữu.

帶質境，亦分二，  
皆仗質，真與似。

**Đối chất cảnh, diệc phân nhị  
Giai trượng chất, chân dữ tự.  
*Đối chất cảnh, chia làm hai,  
Đều nhờ chất, giống với chân.***

Thứ hai: Gọi là Đối chất cảnh, cũng chia làm hai thứ: Nghĩa là khi kiến phần duyên với cảnh thì đều hợp với bản chất đối cảnh mà khởi lên thì thứ này gọi là Chân đối chất. Lại còn có một thứ nữa gọi là Tự đối chất.

眞帶質，心緣心，  
中間相，兩頭森。

**Chân đới chất, tâm duyên tâm,  
Trung gian tướng, lưỡng đầu sâm.**  
*Chân đới chất, tâm duyên tâm,  
Tướng trung gian, hai hiển sâm.*

Vì sao gọi là chân đới chất? Nghĩa là giống như đem tâm pháp của thức thứ bảy (mạt na thức) duyên với tâm pháp của thức thứ tám (A lại da thức) làm bản chất. Khi chấp lầm là ta rồi thì trung gian của hai thức này biến ra tướng ngã của tướng phần. Đó là thức thứ bảy duyên một đầu, thức thứ tám duyên một đầu hòa hợp mà sinh ra.

似帶質，心緣色，  
相從見，一頭得。

**Tự đới chất, tâm duyên sắc,  
Tướng tông kiến, nhất đầu đắc.**  
*Tự đới chất, tâm duyên sắc,  
Tướng theo kiến, được một đầu.*

Vì sao gọi là Tự đới chất cảnh? Nghĩa là giống như khi đem tâm pháp của ý thức dựa vào những sắc pháp của hoa cỏ hiện tại làm bản chất mà duyên lấy tướng phần của những hoa cỏ trung gian đó, chỉ là theo ý thức kiến phần một đầu mà biến khởi ra.



性境生，從實種，

既實體，亦實用。

**Tính cảnh sinh, tòng thực chủng,**

**Ký thực thể, diệc thực dụng.**

*Tính cảnh sinh, từ thực chủng,*

*Đã thực thể, cũng thực dụng.*

Thứ ba: Gọi là Tính cảnh. Vì sao mà sinh khởi? Tính đã là thực; nghĩa là giống như khi nhãn thức nhìn thấy hoa cỏ hiện tiền thì những hoa cỏ này là do chủng tử thực tại mà khởi ra hiện hành. Đã có thực thể của hoa cỏ, cây cối thì người ta cũng nhận thức được thực dụng của hoa cỏ cây cối.

Ba cảnh	- Tính cảnh:	..... 5 thức lúc mới duyên với 5 trần
	- Đới chất	Chân ..... mặt na duyên với tạng thức
	- Độc ảnh	Tự ..... ý thức duyên với hoa cỏ
		Hữu chất ..... ý thức duyên với chân như
		Vô chất ..... ý thức duyên với sừng thỏ

前五識，初刹那，

緣性境，俱不差。

**Tiền ngũ thức, sơ sát na,**

**Duyên tính cảnh, cụ bất sai.**

*Năm thức trước, sát na đầu,*

*Duyên tính cảnh, đều không sai.*

Năm thức trước là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Khi một sát na đầu tiên của cảnh sở duyên, đã không đo lường phân biệt mà biết được, cho nên đều là tính cảnh không có sai lầm. Nhưng đến sát na thứ hai do ý thức thay thế khởi lên theo ý niệm đo lường, phân biệt, mà duyên lấy thì không còn là tính cảnh nữa.

Phần Thứ Tám  
**BA TỰ TÍNH**

緣生法，依他起，  
如幻現，無自體。

**Duyên sinh pháp, y tha khởi,**

**Như huyễn hiện, vô tự thể.**

*Pháp duyên sinh, y tha khởi,*

*Như trò rối, không tự thể.*

Các pháp đều có ba tự tính: Một gọi là Y tha khởi tự tính. Nghĩa là tất cả các pháp hữu vi duyên sinh đều là dựa vào các duyên hòa hợp mà khởi lên, ví như trò rối hiện thành, không có thể tính của mình.

執實有，成徧計，  
所執妄，性亦僞。

**Chấp thực hữu, thành biến kế,**

**Sở chấp vọng, tính diệc ngụy.**

*Chấp thực có, thành biến kế,*

*Sở chấp sai, tính cũng sai.*

Thứ hai: Nếu không biết các pháp Y tha duyên sinh là huyễn mà so đo, tính toán chấp là thực có tự thể, như thế gọi là tự tính biến kế sở chấp. Như người xem kịch chấp là sự thực thì cái chấp này vốn đã sai mà tự tính cũng trở thành hư dối.

從依他，去計執，  
名圓成，自性實。

**Tòng y tha, khứ kế chấp,  
Danh viên thành, tự tính thực.**

*Từ y tha, bỏ kế chấp,*

*Gọi duyên thành, tự tính thực.*

Thứ ba: Là từ ở tự tính Y tha khởi trừ bỏ được tự tính biến kế sở chấp, gọi là Tự tính viên thành thực. Như người xem kịch biết kịch là giả thì tự tính này mới là đầy đủ và chân thực.

Ba tự tính .....	y tha khởi		Chấp thực .....	Biến kế
			Lìa chấp .....	Viên thành

### **Phần thứ chín**

## **BA VÔ TÍNH**

依三性，立三無，  
相無性，徧計虛。

**Y tam tính, lập tam vô,  
Tướng vô tính, biến kế hư.**

*Nương ba tính, lập ba vô,  
Tướng vô tính, biến kế hư.*

Như trên đã nói: Ba thứ Tự tính lại có thể lập ra ba thứ Vô tự tính nữa. Vì sao mà kiến lập? Một là y vào Biến kế sở chấp phân biệt các tướng giả dối là không, liền lập ra Tính Tướng Vô tự tính.

由依他，生無性，

勝義無，圓成應。

**Do y tha, sinh vô tính,**

**Thắng nghĩa vô, viên thành ưng.**

*Do y tha, sinh vô tính,*

*Không thắng nghĩa, có thành thực.*

Hai là: Các pháp Y tha duyên sinh tự tính là không, nên lập ra tính sinh vô tự tính. Ba là y vào Viên thành thực không có cái nghĩa biến kế sở chấp liền lập ra Tính Thắng Nghĩa Vô tự tính tính.

Ba tự tính		Biến kế chấp ..... Tướng vô tính		Ba vô tính
		Y tha khởi ..... Sinh vô tính		
		Viên thành thực ..... Thắng nghĩa vô tính		

此諸佛，密意說，  
因執有，空對治。

**Thử chư Phật, mật ý thuyết,  
Nhân chấp hữu, không đối trị.  
*Đây chư Phật, mật ý nói,  
Vì chấp có, không đối trị.***

Song ba thứ "Vô tự tính" này là các đức Phật nói trong ý nghĩa bất liễu nghĩa, không thể chấp là các pháp hoàn toàn không vô tính. Vì sao? Bởi vì các Đức Phật nhân vì người đòi vọng chấp các pháp là thực có, nên thành ra bệnh nặng. Do đó mới vì họ mà nói ra môn thuốc các pháp là rỗng không để đối trị lại các bệnh kia.

或不了，復空執，  
救惡取，說唯識。

**Hoặc bất liễu, phục không chấp,  
Cứu ác thủ, thuyết duy thức.  
*Hoặc không hiểu, lại chấp không,  
Cứu ác thủ, nói duy Thức.***

Người đòi không hiểu mật ý của Phật; nhân vì Phật nói ba vô tính nên chấp các pháp đều không, như thế gọi là ác thủ không. Kinh nói: “Thà khởi ngã kiến như núi Tu Di, chứ không nên khởi không kiến như hạt cải nhỏ” khởi lên không kiến thủ thì rất là tệ ác cho nên Đức Phật lại đặc biệt nói pháp Duy Thức để cứu độ cho.

唯識學，廣依他，  
非空有，極到家。

**Duy thức học, quảng y tha,  
Phi không hữu, cực đáo gia.  
*Duy Thức học, rộng y tha,  
Không có không, lý trọn vẹn.***

Môn Duy Thức học vì sao có thể cứu được cái bệnh ác thủ không? Nghĩa là người học về ba tính bàn luận rộng rãi tự tính y tha khởi nói tất cả các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, không rơi vào biên kiến. Đó mới là học thuyết đầy đủ trọn vẹn.

### **Phần thứ mười**

## **NHỮNG KINH LUẬN Y CỨ**

最勝法，說在先，  
大方廣，佛華嚴。

**Tôi thắng pháp, thuyết tại tiên,  
Đại Phương Quảng, Phật Hoa Nghiêm.  
*Pháp tôi thắng, nói đầu tiên,  
Đại Phương Quảng, Phật Hoa Nghiêm.***

Pháp tôi thắng của Duy Thức; tức là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Đức Phật nói đầu tiên sau khi thành đạo.

解深密，入楞伽，

并密嚴，四來華。

**Giải Thâm Mật, nhập Lăng Già,**

**Tinh Mật Nghiêm, Tứ Lai Hoa.**

*Giải Thâm Mật, Nhập Lăng Già,*

*Và Hoa Nghiêm, đã được dịch.*

Tiếp theo đến kinh Giải Thâm Mật. Kinh Đại Thừa Nhập Lăng Già. Kinh Đại Thừa Mật Nghiêm cộng với Kinh Hoa Nghiêm ở trên là bốn kinh đã được phiên dịch ra Hán văn.

如來現，毗達磨，

二未譯，其奈何。

**Như Lai Hiện, Tỳ Đạt Ma,**

**Nhị vị dịch, kỳ nại hà?**

*Như Lai hiện, Tỳ Đạt Ma,*

*Chưa được dịch, Không hiểu sao?*

Tiếp theo có Kinh Như Lai Xuất Hiện Công Đức Trang Nghiêm và Kinh Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma cộng với bốn bộ trên thành sáu kinh nhưng thiếu mất hai kinh sau chưa dịch, không hiểu vì sao?



彼論藏，有十支，

歸一本，瑜伽師。

**Bỉ luận tạng, hữu thập chi,**

**Quy nhất bản, Du Già Sư.**

*Phân luận tạng, có mười bộ,*

*Về một gốc, Luận Du Già.*

Những bộ luận tạng để y cứ lập ra tông phái này có mười chi luận và một bộ luận căn bản là Du Già Sư Địa.

首百法，略名數，

釋體義，五蘊麤。

**Thủ bách pháp, lược danh số,**

**Thích thể nghĩa, ngũ uẩn thô.**

*Đầu Bách Pháp, Lược danh số*

*Thích thể nghĩa, Năm uẩn thô.*

Mười chi luận là căn cứ vào bộ luận căn bản mà tạo ra. Ví như các cành của một cây lớn. Bộ thứ nhất là Luận Bách Pháp Minh Môn, do ngài Thế Thân tạo ra, gọi là chi luận Lược trần danh số. Bộ thứ hai là Luận Đại Thừa Ngũ Uẩn cũng do ngài Thế Thân tạo ra, gọi là chi luận Thô thích thể nghĩa (giải thích thể nghĩa một cách sơ lược).

顯揚論，眾義包，  
廣大義，攝論高。

**Hiển dương luận, chúng nghĩa bao,  
Quảng đại nghĩa, Nhiếp luận cao.  
*Luận Hiển Dương, gồm nhiều nghĩa,  
Nghĩa rộng lớn, Nhiếp luận cao.***

Thứ ba: là luận Hiển Dương Thánh Giáo của ngài Vô Trước tạo. Người ta gọi bộ chi luận này là Bao gồm chung các nghĩa lý.

Thứ tư: là luận Nhiếp Đại Thừa cũng của ngài Vô Trước tạo, đó là chi bộ luận Bao gồm rộng rãi các nghĩa lớn.

別名數，有雜集，  
辨中邊，能離僻。

**Biệt danh số, hưu tạp tập,  
Biện trung biên, năng ly tích.  
*Riêng danh số, có Tạp Tập,  
Biện Trung Biên, lia chấp mắc.***

Thứ năm: là luận A Tỳ Đạt Ma Tạp Tập, cũng của ngài Vô Trước tạo, đó là bộ chi luận về Phân biệt danh số.

Thứ sáu: là bộ luận Biện Trung Biên của ngài Di Lặc thuyết ra. Đây là chi bộ luận Biện Minh Đường Trung Đạo xa rời chấp mắc ở hai bên.

二十論，破邪山，  
建法幢，三十閑。

**Nhị thập luận, phá tà sơn,  
Kiến pháp tràng, tam thập nhàn.  
*Hai mươi luận, phá núi tà,  
Dựng cờ pháp, ba mươi bài.***

Thứ bảy: là luận Nhị Thập Tụng Duy Thức của ngài Thế Thân tạo ra gọi là bộ chi luận để phá hồng núi tà kiến.

Thứ tám: là bộ luận Duy Thức Tam Thập Tụng cũng của ngài Thế Thân tạo ra, về sau lại có thêm những bộ như Hộ Pháp... và bộ Thích Luận của mười vị đại luận sư để dựng cao cờ pháp.

莊嚴論，嚴體義，

散歸觀，儉伽別。

**Trang nghiêm luận, nghiêm thể nghĩa,**

**Tán quy quán, Du Già biệt.**

*Luận Trang Nghiêm, Nghiêm thể nghĩa*

*Tán quy quán, riêng Du Già.*

Thứ chín: là bộ Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận do Bồ Tát Di Lặc nói ra, đó là bộ chi luận Trang Nghiêm Thể Nghĩa.

Thứ mười: là bộ luận Phận Biệt Du Già, cũng của Bồ Tát Di Lặc nói ra, đó là bộ chi luận Nhiếp Tán Quy Quán (thu về pháp quán) bộ luận này chưa được dịch ra Hán văn.

經共六，論十一，

宗所依，顯真實。

**Kinh cộng lục, luận thập nhất,**

**Tông sở y, hiển chân thực.**

*Kinh có sáu, Luận mười một*

*Tông này nương, tỏ chân thực.*

Như trên đã nói sáu bộ Kinh và mười một bộ Luận này là chỗ y cứ chính của Tông Duy Thức, để tỏ rõ nghĩa lý chân thực.

**Phần thứ mười một**  
**CÁC TỔ SÁNG LẬP Ở TÂY TRÚC**

昔無著，攝神通，  
請彌勒，兜率宮。

**Tích Vô Trước, nhiếp thần thông,**

**Thỉnh Di Lặc, Đâu Suất cung.**

*Xưa Vô Trước, dùng thần thông,*

*Thỉnh Di Lặc, Từ Đâu Xuất.*

Tông phái này được xây dựng từ đâu? Sau khi Phật nhập diệt khoảng 900 năm, có Bồ Tát Vô Trước lo vì chính pháp Đại Thừa suy vi, bèn thu nhiếp thần thông bay lên cung trời Đâu Xuất để cầu thỉnh Bồ Tát Di Lặc giáng xuống Trung Ấn nói ra năm bộ Luận.

降中印，說五論，  
無著闡，世親應。

**Giáng trung Ấn, thuyết ngũ luận,**

**Vô Trước xiển, Thế Thân ứng.**

*Giáng Trung Ấn, nói năm luận,*

*Vô Trước mở, Thế Thân ứng.*

Đức Di Lặc đang ở ngôi Diệu Giác; là hàng Bồ Tát nhất sinh bổ xứ, nhận lời thỉnh cầu của ngài Vô Trước, giáng xuống Trung Ấn Độ, trụ ở giảng đường A Du Da mà nói ra năm bộ đại Luận đó là:

1. Du Già Sư Địa Luận.
2. Biện Trung Biên Luận.

3. Trang Nghiêm Kinh Luận.
4. Phân Biệt Du Già Luận.
5. Kim Cương Bát Nhã Luận.

Sau khi đức Di Lặc thuyết luận rồi, ngài Vô Trước y vào luận Du Già Sư Địa để viết ra luận Hiền Dương Thánh Giáo và luận Tạp Tập để mở mang tông phái. Sau ngài Vô Trước thì có em ruột của ngài là ngài Thế Thân tạo ra bộ Nhiếp Trang Nghiêm Luận, để giải thích luận trên và những bộ luận khác như: Bách Pháp Ngũ Uẩn, Nhị Thập Luận, Tam Thập Tụng... để nối theo.

小入大，論千部，  
難兄弟，耀今古。

Tiểu nhập đại, luận thiên bộ,  
Nan huynh đệ, diệu kim cổ.

## Phần thứ mười hai

### TRUYỀN THỪA Ở TRUNG HOA

護法師，釋唯識，  
戒賢嗣，更尊特。

Hộ pháp sư, thích duy thức,  
Giới Hiền tự, cánh tôn đặc.

*Ngài Hộ Pháp, thích Duy Thức*  
*Giới Hiền nối, rất tôn đặc.*

Tông Duy Thức được xây dựng lên một cách hoàn chỉnh là do Ngài Thế Thân tạo ra bộ luận Duy Thức Tam Thập tụng, nhưng bởi ngài Thế Thân làm ra tụng, chưa kịp viết luận thì đã nhập diệt. Cho nên đương thời và đời sau viết luận giải thích cộng lại có tới mười nhà. Nhưng bộ luận tinh vi nhất là của ngài Hộ Pháp Luận Sư làm. Đệ tử nổi pháp của ngài là Luận Sư Giới Hiền ở tu viện Na Lan Đà thuộc Ấn Độ xiển dương, do đó mà tông này dần dần trở nên hưng thịnh.

第六傳，至玄奘，

輸震旦，義無上。

**Đệ lục truyền, chí Huyền Trang,**

**Thâu Chấn Đán, nghĩa vô thượng.**

*Đời thứ sáu, đến Huyền Trang,*

*Vào Trung Hoa, nghĩa Vô Thượng.*

Tông này được xây dựng nên ở Ấn Độ từ Đức Di Lặc đến Ngài Giới Hiền đã có tới năm đời. Đến thời nhà Đường bên Trung Quốc có Tam tạng Pháp Sư Huyền Trang sang Ấn Độ cầu pháp; Ngài nương vào pháp sư Giới Hiền làm thầy và được truyền thụ môn học này. Tức là đời thứ sáu mới được truyền vào Trung Hoa vậy. Ngài Huyền Trang đem yếu nghĩa của mười đại luận sư đúc kết lại và phiên dịch thành một bộ gọi là Thành Duy Thức Luận. Tức là thành tựu các nghĩa lý về Duy Thức cũng không có thêm gì ở trong đó.

大弟子，有窺基，  
百部疏，闡無遺。

**Đại đệ tử, hữu Khuy Cơ,**

**Bách bộ sớ, xiển vô di.**

*Đệ tử lớn, có Khuy Cơ,*

*Trăm bộ sớ, truyền không sót.*

Đệ tử đứng đầu của ngài Huyền Trang tên là Khuy Cơ, trí tuệ rộng lớn viết thuật kí về Duy Thức, trước tác rất nhiều. Thời bấy giờ gọi là Bách Bộ Luận Sư, mở mang giáo nghĩa Duy Thức. Có thể nói là không sót lọt một chút gì vậy.

繼惠沼，及智周，  
了義燈，演秘求。

**Kế Huệ Chiêu, cập Trí Chu,**

**Liễu Nghĩa Đăng, Diễn Bí Cầu.**

*Kế Huệ Chiêu, và Trí Chu,*

*Liễu Nghĩa Đăng, Diễn Bí cầu*

Nói sau có ngài Huệ Chiêu ở Truy Châu viết ra bộ Duy Thức Liễu Nghĩa Đăng 14 quyển. Và ngài Trí Chu ở Bộc Dương viết ra bộ Duy Thức Diễn Bí 14 quyển. Các vị đó đều là nối trí của ngài Khuy Cơ để làm hưng thịnh tông này, đời sau nương vào đó mà cầu học.

後如理，義演集，  
撰義蘊，有道邑。

**Hậu Như Lý, Nghĩa Diễn Tập,**

**Soạn Nghĩa Uẩn, hữu Đạo Ấp.**

*Sau Như Lý, Diễn Nghĩa Tập,*

*Soạn Nghĩa Uẩn, có Đạo Ấp.*

Sau có ngài Như Lý viết ra bộ Tập Nghĩa Diễn 26 quyển, ngài Đạo Ấp soạn ra bộ Nghĩa Uẩn 5 quyển.

皆唐疏，一貫承，  
相宗備，古未曾。

**Giai Đường sơ, nhất quán thừa,**

**Tướng tông bị, cổ vị tăng.**

*Là Đường sơ, một mối truyền,*

*Tông tướng đủ, xưa chưa từng.*

Các nhà luận giả Duy Thức học trên đây đều là những bậc chú sớ của thời nhà Đường và đều theo một dòng truyền. Tông pháp tướng từ đó đầy đủ, rục rờ, từ xưa chưa từng có. Lại bởi tông Duy Thức xây dựng trên danh tướng của các Pháp. Cho nên cũng gọi là Pháp Tướng Tông hoặc gọi tắt là Tướng Tông.

唐以後，禪爲尚，  
談直指，輕法相。

**Đường dĩ hậu, thiền vi thượng,**

**Đàm trực chỉ, khinh Pháp tướng.**

*Sau thời Đường, trọng Thiền Tông,*

*Bàn trực chỉ, nhẹ Pháp tướng.*

Phật giáo đời nhà Đường các tông phái đều hưng thịnh, từ thời Đường trở về sau, người đời đều coi trọng Thiền Tông mà nói phao lên rằng "chỉ thẳng tâm người thấy tính thành Phật". Người đời theo học Phật pháp nói "rời văn tự" nên mới coi nhẹ Pháp tướng mà không chịu học tập.



台四教，判通別，  
賢首五，大始列。

**Thai tứ giáo, phán thông biệt,  
Hiền Thủ ngũ, đại thi liệt.**  
*Thai tứ giáo, phán thông biệt,  
Hiền Thủ năm, đại - thi rõ.*

Sau Tông Thiên Thai đem một đời thuyết pháp độ sinh của Đức Phật mà phán giáo thành bốn loại là: Tạng, Thông, Biệt, Viên. Xếp Duy Thức vào bậc thứ hai là Thông Giáo; bao gồm cả phần thứ ba là Biệt Giáo. Tông Hiền Thủ thì chia giáo lý một đời của Phật thành năm bậc là: Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên; cũng xếp Duy Thức vào hàng Đại Thừa Thi Giáo ở bậc thứ hai.

既非圓，又難習，  
惑彼言，共十棄。

**Ký phi viên, hựu nan tập,  
Hoặc bỉ ngôn, cộng thập khí.**  
*Không phải viên, lại khó tập,  
Mắc lời lầm, nên xả bỏ.*

Hai Tông Thiên Thai và Hiền Thủ đã nói tông này không phải là Viên giáo, lại khổ về giáo nghĩa cao sâu, khó bề học tập cho nên người phạm bị những lời này ngăn che mới bỏ không chịu học.

研無人，典籍墮，  
宋元來，成絕學。

**Nghiên vô nhân, điển tịch tạ, đạo,**  
**Tống Nguyên lai, thành tuyệt học.**  
*Không người xem, sách vở hỏng,*  
*Sau Tống Nguyên, thành tuyệt học.*

Bởi có những nguyên nhân như trên khiến cho không có người nghiên cứu. Cho nên sách vở của tông này cũng bị mất mát nhiều; vì vậy từ thời Tống, thời Nguyên trở về sau người học Duy Thức gần như mất hẳn.

遜清末，法運昌，  
得遺籍，自扶桑。

**Tôn Thanh mạt, pháp vận xương,**  
**Đắc di tịch, tự Phù Tang.**  
*Cuối đời Thanh, pháp vận mở,*  
*Được sách soát, từ Nhật Bản.*

Vua nhà Thanh nhường ngôi cho Dân Quốc nên gọi là Tôn Thanh. Vào năm cuối triều Thanh có cư sỹ Thạch Đại Dương Nhân Sơn, nhân đọc luận Đại Thừa Khởi Tín mà phát tâm, mới đề xướng lên việc khắc kinh Phật, pháp vận từ đó dần dần được thịnh lên. Lại có ngài Nam Điều Văn Hùng Thị mang một số sách thuật ký về Duy Thức còn sót lại ở Nhật Bản sang Trung Hoa. Phù Tang tức tên khác của Nhật Bản vậy.

**Phần thứ mười ba**  
**TỔNG KẾT KHUYÊN TU HỌC**

海禁開，萬國通，  
科哲學，西漸東。

**Hải cấm khai, vạn quốc thông,**  
**Khoa triết học, Tây tiệm Đông.**  
*Mở cửa biển, thông vạn quốc,*  
*Khoa triết học, Tây sang Đông.*

Trung Quốc từ ngày mở cửa cho tới nay, giao thông với các nước trên thế giới dễ dàng. Cho nên các môn khoa học và triết học của phương Tây dần dần được truyền vào.

勤分析，至極微，  
獨斯學，當此機。

**Cần phân tích, chí cực vi,**  
**Độc tư học, đương thử cơ.**  
*Thường phân tích, đến rất nhỏ,*  
*Môn học này, đang thịnh hành.*

Sở trường của môn khoa học và triết học là ở chỗ nghiên cứu đạo lý phân tích đến chỗ nhỏ bé nhất. Thì đây, môn Duy Thức này cũng thường phân tích nên rất phù hợp vậy.

聰慧者，境研究，  
觀行深，果成就。

**Thông tuệ giả, cảnh nghiên cứu  
Quán hành thâm, quả thành tựu.**  
*Người thông tuệ, nghiên cứu cảnh,  
Thông quán hành, thành tựu quả.*

Thứ tự môn học Duy Thức này có ba phần là: Cảnh, Hành, Quả. Những phần nói ở trên đều thuộc cảnh của Duy Thức để khuyên những người thông minh ở thế gian nên nghiên cứu cảnh của Duy Thức. Đã hiểu rõ cảnh rồi mới có thể khởi lên thực hành. Quán hành nếu sâu thì cũng có thể thành tựu được quả Phật.

行既廣，果無邊，  
此暫止，待後宣。

**Hành ký quảng, quả vô biên,  
Thử tạm chỉ, đãi hậu tuyên.**  
*Hành đã rộng, quả vô biên,  
Đây tạm dừng, đợi nói sau.*

Phương pháp thực hành của Duy Thức như là: bốn tâm tư, năm tầng của Duy Thức. Cho đến những môn như: lục độ, vạn hạnh rộng lớn vô cùng. Hành đã như thế thì quả chứng được cũng lớn như biển cả, mênh mông không bờ bến. Đó không phải chỗ người mới học có thể đến được. Tập sách này mục đích thuyết giảng cho những người sơ tâm, cho nên tạm dừng ở đây không bàn nữa. Đợi đến tác phẩm sau sẽ lại bàn thêm.

**Sài Sơn, ngày 16 tháng 10 năm 1999**

**Giáo án**  
**DUY THỨC TAM TỰ KINH**  
**Luận Thích**  
**Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại Hà Nội**  
**Lớp Cao Đẳng Phật Học**

*Nguyên tác:* **Đường Đại Viên**

*Soạn dịch:* **Cổ Giác Linh Hòa Thượng Thượng Viên Hạ Thành**

*Biên tập:* **Đại Đức Thích Đạo Thịnh**

